

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-ST

Ngày: 18-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Tuấn Anh

2- Ông Trương Thanh Luật

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:

Ông Trần Văn Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Huyện, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Quang T**, sinh năm 1960; HKTT và chỗ ở ấp 2, xã LB, huyện X, Đồng Tháp; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa 10/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Võ Văn Q, sinh năm 1928 (đã chết) và bà Lê Thị V, sinh năm 1930 (còn sống); có vợ tên Đào Thị Minh H, sinh năm 1961 và có 03 người con (nhỏ nhất sinh năm 1992, lớn nhất sinh năm 1986); tiền án, tiền sự không; bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

** Nguyên đơn dân sự:*

UBND xã LB, huyện X

Địa chỉ: Ấp 3, xã LB, huyện X, Đồng Tháp.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Thành P – Chức vụ: Chủ tịch. (có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Nguyễn Hữu A** - sinh năm 1970. (có mặt)
2. **Phan Thành B** - sinh năm: 1973. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã LB, huyện X, Đồng Tháp.

3. **Nguyễn Thị C** - sinh năm: 1977. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã MĐ, huyện X, Đồng Tháp.

4. **Huỳnh Thị D** - sinh năm: 1946. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp ĐM, xã MH, huyện CL, Đồng Tháp.

5. **Phạm Thị E** - sinh năm: 1955. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã MĐ, huyện X, Đồng Tháp.

6. **Huỳnh Văn F** - sinh năm: 1966. (có mặt)

7. **Lê Văn N** - sinh năm: 1977. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã LB, huyện X, Đồng Tháp.

8. **Bùi Duy M** - sinh năm 1989. (có mặt)

9. **Nguyễn Minh L** - sinh năm: 1978. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã LB, huyện X, Đồng Tháp.

10. **Võ Văn K** - sinh năm: 1978. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp PL, xã PP, huyện CT, Tiền Giang.

11. **Bùi Văn I** - sinh năm 1947. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp MĐ 2, xã MT, huyện CL, Đồng Tháp.

12. **Phan Triệu Y** - sinh năm: 1984. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã LB, huyện X, Đồng Tháp.

** Người làm chứng:*

1. **Võ Duy O** - sinh năm 1984. (có mặt)

2. **Nguyễn Thị U** - sinh năm: 1976. (có mặt)

3. **Đặng Thị S** - sinh năm: 1957. (vắng mặt)

4. **Hồ Văn G** - sinh năm: 1978. (có mặt)

5. **Nguyễn Văn X** - sinh năm: 1955. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã Láng Biển, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

6. **Lê Thị Bé Z** - sinh năm: 1958. (vắng mặt)

7. **Nguyễn Quang Q** - sinh năm: 1980. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Láng Biển, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

8. **Huỳnh Thị W** - sinh năm: 1944. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hòa Hưng, xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp

9. Bùi Thị J - sinh năm: 1956. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, TT. Mỹ An, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

10. Bùi Mộng R - sinh năm: 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tây Mỹ, xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

11. Bùi Thị KA - sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hòa Khánh, xã Hòa An, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp.

12. Bùi Thị Trúc LI - sinh năm: 1977. (vắng mặt)

13. Bùi Nhựt BI - sinh năm 1988. (vắng mặt)

14. Đỗ Thị EA - sinh năm 1949. (vắng mặt)

15. Bùi Văn MI - sinh năm 1976. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ Đông 2, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

16. Phan Hoàng AB - sinh năm: 1963. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tây Thượng, xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, An Giang.

17. Lê Thị HO - sinh năm: 1944. (vắng mặt)

18. Huỳnh Văn VA - sinh năm: 1973. (vắng mặt)

19. Huỳnh Văn OI - sinh năm: 1964. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Bình Ninh, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Quang T bị Viện kiểm sát huyện Tháp Mười truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào năm 2014, Võ Quang T được Ủy ban nhân dân xã LB, huyện X, quyết định phân làm công chức Văn phòng thống kê của Ủy ban nhân dân xã LB. Lợi dụng chức vụ của mình, T tự ý nhận hồ sơ của những người đến làm hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, rồi giả chữ ký của Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã LB ký chứng thực trong hợp đồng và giả chữ ký của những người có liên quan trong các hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất để thu tiền lệ phí không ra lai, không nộp vào ngân sách Xã, gồm 20 hồ sơ, chiếm đoạt số tiền 5.200.000 đồng sử dụng tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

1. Ngày 09/01/2014, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của Huỳnh Thị W cho Phan Thành B, hồ sơ này T giả chữ ký của ông Trần Xuân TE (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã LB), T thu lệ phí là 300.000 đồng, không ra lai chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

2. Ngày 20/6/2014, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà Đặng

Thị S cho anh Nguyễn Minh L, hồ sơ này T giả chữ ký của ông Trần Xuân TE, T thu lệ phí là 300.000 đồng, không ra lai chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

3. Ngày 10/7/2014, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị J cho chị Nguyễn Thị C, hồ sơ này T giả chữ ký của ông Trần Xuân TE, T thu lệ phí là 300.000 đồng, không ra lai chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

4. Ngày 22/7/2014, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Hồ Văn G chuyển nhượng cho anh Võ Duy O, hồ sơ này T làm đúng theo quy định, T thu lệ phí là 300.000 đồng, không ra lai chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

5. Ngày 26/9/2014, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Ngô Văn TO, bà Hồ Thị CH chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị D, cụ thể:

- Hồ sơ của ông TO: T giả chữ ký của ông TO, Ngô Hồng KA, Ngô Thị Hồng LI, Huỳnh Thị D và của ông Trần Xuân TE.

- Hồ sơ của bà CH: T giả chữ ký của bà CH, Nguyễn Thị HN, Nguyễn Thanh HU, Huỳnh Thị D và của ông Trần Xuân TE.

Ông Nguyễn Hữu A nhận tiền của bà Huỳnh Thị D là 35.500.000 đồng, sau đó ông A đưa cho T 26.000.000 đồng để T làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông TO, bà CH và Huỳnh Thị NI chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị D, nhưng do hồ sơ của bà NI sai thửa đất nên chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà NI chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị D được, T đã đóng thuế hai hồ sơ của ông TO và bà CH hết 20.829.000 đồng, còn lại 5.171.000 đồng T giữ để tiếp tục làm hồ sơ của bà NI, sau đó T nhận được hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Huỳnh Thị D, T đưa cho ông A đưa lại cho bà D quản lý. Theo quy định hai hồ sơ này thu lệ phí là 600.000 đồng, nhưng T không ra lai chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết, số tiền 600.000 đồng T lấy từ số tiền 5.171.000 đồng.

6. Ngày 03/12/2014, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị UC chuyển nhượng cho bà Phạm Thị E, hồ sơ này T giả chữ ký của ông Trần Xuân TE, T thu lệ phí là 500.000 đồng, không ra lai chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

7. Ngày 11/12/2014, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Đ cho chị Nguyễn Thị U, hồ sơ này T làm đúng theo quy định, T thu lệ phí là 300.000 đồng, không ra lai chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

8. Ngày 15/01/2015, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn HN cho anh Huỳnh Văn F, hồ sơ này T giả chữ ký của ông Trần Xuân TE, Lê Thị HO, Huỳnh Văn AI, Huỳnh Văn VA, Huỳnh Văn OI và Huỳnh Thị PH, T thu lệ phí là 300.000 đồng, không ra lai chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

9. Ngày 11/02/2015, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà

Lê Thị Bé Z chuyển nhượng cho anh Bùi Duy M, hồ sơ này T giả chữ ký của Nguyễn Văn NU, Nguyễn Văn ĐT và ông Trần Xuân TE, T thu lệ phí là 300.000 đồng, không ra lai chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

10. Ngày 19/6/2015, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị LG chuyển nhượng cho anh Võ Văn K, hồ sơ này T giả chữ ký của ông Đỗ Thành P (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã LB), T thu lệ phí là 300.000 đồng, không ra lai chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

11. Ngày 02/7/2015, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Trần Triệu PU chuyển nhượng cho bà Phạm Thị E, hồ sơ này T giả chữ ký của ông Đỗ Thành P, T thu lệ phí là 300.000 đồng, không ra lai chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

12. Ngày 10/7/2015, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn I cho 6 người con (Bùi Thị Thu TY; Bùi Mộng R; Bùi Thị Xương MA; Bùi Thị KA; Bùi Thị Trúc LI; Bùi Nhật BI), hồ sơ này T giả chữ ký của ông Đỗ Thành P, T thu lệ phí tổng cộng là 800.000 đồng, không ra lai chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

13. Ngày 04/8/2015, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Phan Hoàng AB cho anh Phan Triệu Y, hồ sơ này T giả chữ ký của ông Đỗ Thành P, T thu lệ phí là 300.000 đồng, không ra lai chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

14. Ngày 17/8/2015, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà Lê Thị XI cho ông Lê Văn N, hồ sơ này T giả chữ ký của ông Đỗ Thành P, T thu lệ phí là 300.000 đồng, không ra lai chiếm đoạt và sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, các hợp đồng tặng cho và chuyển nhượng nêu trên là có tặng cho và chuyển nhượng thật.

Tại Kết luận giám định số 698/KL-KTHS, ngày 29/11/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận:

- Chữ ký mang tên “Trần Xuân TE” trên 8 (tám) tài liệu cần giám định ký hiệu từ A₁ đến A₈ so với chữ ký của ông Trần Xuân TE trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M₁ đến M₁₆ không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên “Đỗ Thành P” trên 2 (hai) tài liệu cần giám định ký hiệu từ A₉, A₁₀ so với chữ ký của ông Đỗ Thành P trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M₁₇ đến M₃₃ do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên “Đỗ Thành P” trên 10 (mười) tài liệu cần giám định ký hiệu từ A₁₁ đến A₂₀ so với chữ ký của ông Đỗ Thành P trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M₁₇ đến M₃₃ không phải do cùng một người ký ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên “Trần Xuân TE” và “Đỗ Thành P” trên 18 (mười tám) tài liệu cần giám định ký hiệu từ A₁ đến A₈, từ A₁₁ đến A₂₀ so với chữ ký tên “Trần Xuân TE” và “Đỗ Thành P” do T ký trên tài liệu mẫu ký hiệu M₃₄ có phải do cùng một người ký ra hay không.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Huỳnh Thị D yêu cầu anh Nguyễn Hữu A trả lại số tiền đã đưa làm thủ tục còn lại là 14.071.000 đồng.

Đối với những người có liên quan trong các hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất không yêu cầu bồi thường, chỉ yêu cầu được làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đúng theo quy định.

Về vật chứng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tháp Mười đã tạm giữ của:

- Chị Nguyễn Thị C: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số BR288827.
- Anh Võ Văn K: 02 (hai) giấy chứng nhận QSD đất, số CA771285; số CA771286.
- Anh Huỳnh Văn F: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số CA777692.
- Ông Lê Văn N: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số 853992.
- Anh Phan Triệu Y: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số 853011.
- Bà Huỳnh Thị D: 02 (hai) giấy chứng nhận QSD đất, số BU324650; số BU324649.
- Cửa Bùi Văn I: 06 (sáu) giấy chứng nhận QSD đất, số CA853064; số CA 853066; số CA853062; số CA853065; số CA771601; số CA853063.

Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười đã tạm giữ:

- Tiền Việt Nam 10.200.000 đồng của T.
- Tiền Việt Nam 9.500.000 đồng của anh A.

Đối với anh Nguyễn Hữu A là người nhận tiền của bà Huỳnh Thị D 35.500.000 đồng đưa cho T làm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 26.000.000 đồng, sau khi Đoàn thanh tra huyện Tháp Mười phát hiện thì anh A đã nộp số tiền còn lại là 9.500.000 đồng cho Đoàn thanh tra. Nhận thấy hành vi của anh A chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên không đề cập xử lý.

Tại Bản Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, đã truy tố bị cáo Võ Quang T về tội “*Giả mạo trong công tác*” theo điểm c khoản 1 Điều 359 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười thực hiện quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội đã đưa ra những chứng cứ, lý lẽ kết tội đối với bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Căn cứ Điều 359 của Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Quang T phạm tội “*Giả mạo trong công tác*”.

+ Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 359; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Võ Quang T từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

+ Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho:

Chị Nguyễn Thị C: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số BR288827.

Anh Võ Văn K: 02 (hai) giấy chứng nhận QSD đất, số CA771285; số CA771286.

Anh Huỳnh Văn F: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số CA777692.

Ông Lê Văn N: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số 853992.

Anh Phan Triệu Y: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số 853011.

Bà Huỳnh Thị D: 02 (hai) giấy chứng nhận QSD đất, số BU324650; số BU324649.

Của Bùi Văn I: 06 (sáu) giấy chứng nhận QSD đất, số CA853064; số CA853066; số CA853062; số CA853065; số CA771601; số CA853063.

Ủy ban nhân dân xã LB: 5.200.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị D 14.071.000 đồng.

Bị cáo T 429.000 đồng.

- Tại phiên tòa, bị cáo khai: Tháng 5/2014, bị cáo là công chức Văn phòng thống kê tại Ủy ban nhân dân xã LB. Trong thời gian làm nhiệm vụ, bị cáo tự ý tiếp nhận 20 hồ sơ của những người đến làm thủ tục tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, rồi giả mạo chữ ký của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã LB, chứng thực 18 hồ sơ và giả chữ ký của những người có liên quan trong hợp đồng, để thu tiền lệ phí không ra lai nộp vào ngân sách xã. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của 20 hồ sơ là 5.200.000 đồng. Đối với số tiền 26.000.000 đồng, bị cáo nhận của ông A để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông TO, bà CH, bà NI sang cho bà Huỳnh Thị D, nhưng do hồ sơ của bà NI sai thửa đất nên chưa làm thủ tục chuyển nhượng cho bà D được, bị cáo đã đóng thuế 02 hồ sơ của ông TO và bà CH hết 20.829.000 đồng, còn lại 5.171.000 đồng bị cáo giữ để tiếp tục làm hồ sơ của bà NI. Theo quy định 02 hồ sơ này thu lệ phí là 600.000 đồng, như vậy sau khi trừ tiền lệ phí bị cáo còn giữ lại số tiền của bà D là 4.571.000 đồng.

- Nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã LB – Người đại diện ông Đỗ Thành P, trình bày: Bị cáo T chiếm đoạt của Ủy ban nhân dân xã LB số tiền 5.200.000 đồng, ông yêu cầu bị cáo trả lại cho Ủy ban nhân dân xã LB số tiền này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C, Võ Văn K, Huỳnh Văn F, Lê Văn N, Phan Triệu Y, Huỳnh Thị D, Bùi Văn I khai: Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà

Công an đã tạm giữ để sử dụng và không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị E, Bùi Duy M, Nguyễn Minh L khai: Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho họ tiếp tục được sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp và không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu A khai: Ông nhận tiền của bà Huỳnh Thị D là 35.500.000 đồng, đưa cho bị cáo 26.000.000 đồng để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông TO, bà CH và bà NI sang cho bà Huỳnh Thị D. Ông biết hành vi của mình là sai và đã nộp lại số tiền 9.500.000 đồng để trả lại cho bà D.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, nguyên đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2015, bị cáo T được phân công làm nhiệm vụ công chức Văn phòng thông kê tại Ủy ban nhân dân xã LB. Mặc dù, bị cáo không có nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng bị cáo vẫn tiếp nhận 20 hồ sơ tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thực hiện hành vi giả mạo chữ ký của những người có liên quan trong hồ sơ. Đặc biệt hơn, bị cáo còn giả mạo chữ ký của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã LB ký chứng thực 18 hồ sơ, nhằm mục đích thu tiền lệ phí không ra lai. Trong 20 hồ sơ tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị cáo đã chiếm đoạt số tiền là 5.200.000 đồng.

[3] Hành vi giả mạo chữ ký của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã LB là người có chức vụ, quyền hạn và giả mạo chữ ký của người liên quan, để chiếm đoạt tiền lệ phí sử dụng vào mục đích cá nhân. Hành vi đó của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giả mạo trong công tác”.

[4] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người làm chứng, Bản Kết luận giám định số 698/KL-KTHS, ngày 29/11/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[5] Đồng thời, Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo T thực hiện trước ngày 01/01/2018, nhưng căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, so sánh đối chiếu tội “Giả mạo trong công tác” được quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999 với Bộ luật hình sự năm 2015, thì quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 có lợi cho bị cáo T.

[6] Do đó, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười truy tố bị cáo về tội “*Giả mạo trong công tác*” theo Bộ luật hình sự năm 2015 là hoàn toàn phù hợp, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 359 của Bộ luật hình sự năm 2015 như sau:

“1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- a) Sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, tài liệu;
 - b) Làm, cấp giấy tờ giả;
 - c) Giả mạo chữ ký của người có chức vụ, quyền hạn.
-”

[7] Hành vi của bị cáo đã gây thất thoát ngân sách Nhà nước và xâm phạm hoạt động đúng đắn của Nhà nước. Mặt khác, hành vi của bị cáo còn làm mất uy tín, giảm lòng tin của nhân dân vào bộ máy Nhà nước. Nên cần phải xử lý, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[8] Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết, đồng thời cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt hữu ích cho xã hội và có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nhằm để phòng ngừa cho toàn xã hội nói chung và tại địa phương huyện Tháp Mười nói riêng.

[9] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: “*Bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền đã chiếm đoạt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác nhiều năm được công nhận Chiến sĩ thi đua; cha bị cáo có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ*”, để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp với điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[10] **Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo T trả lại cho Ủy ban nhân dân xã LB số tiền 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng) đã chiếm đoạt.

Buộc bị cáo T trả cho bà Huỳnh Thị D số tiền 4.571.000 đồng (bốn triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Hữu A trả cho bà Huỳnh Thị D số tiền 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả cho bị cáo T số tiền 429.000 đồng (bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Tiếp tục quản lý số tiền 10.200.000 đồng bị cáo nộp và số tiền 9.500.000 đồng anh Tài nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười để đảm bảo thi hành án.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, họ không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, nên không xem xét.

[11] **Về vật chứng:** Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho:

- Chị Nguyễn Thị C: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số BR288827.
- Anh Võ Văn K: 02 (hai) giấy chứng nhận QSD đất, số CA771285; số CA771286.
- Anh Huỳnh Văn F: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số CA777692.
- Ông Lê Văn N: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số 853992.
- Anh Phan Triệu Y: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số 853011.
- Bà Huỳnh Thị D: 02 (hai) giấy chứng nhận QSD đất, số BU324650; số BU324649.
- Cửa Bùi Văn I: 06 (sáu) giấy chứng nhận QSD đất, số CA853064; số CA 853066; số CA853062; số CA853065; số CA771601; số CA853063.

[12] Đối với anh Nguyễn Hữu A là người nhận tiền của bà Huỳnh Thị D 35.500.000 đồng đưa cho bị cáo T làm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 26.000.000 đồng, sau khi Đoàn thanh tra huyện Tháp Mười phát hiện thì anh A đã nộp số tiền còn lại là 9.500.000 đồng cho Đoàn thanh tra. Nhận thấy hành vi của anh A chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên không đề cập xử lý là phù hợp.

[13] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[14] Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/- Tuyên bố: Bị cáo Võ Quang T phạm tội “*Giả mạo trong công tác*”.

2/- Xử phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 359; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Võ Quang T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3/- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Võ Quang T trả lại cho Ủy ban nhân dân xã LB số tiền 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng) đã chiếm đoạt.

Buộc bị cáo Võ Quang T trả cho bà Huỳnh Thị D số tiền 4.571.000 đồng (bốn triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Hữu A trả cho bà Huỳnh Thị D số tiền 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Trả cho bị cáo T số tiền 429.000 đồng (bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Tiếp tục quản lý số tiền 10.200.000 đồng bị cáo nộp và số tiền 9.500.000 đồng anh Tài nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành án xong số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi bằng 50%/ mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

4/- Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho:

- Chị Nguyễn Thị C: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số BR288827.
- Anh Võ Văn K: 02 (hai) giấy chứng nhận QSD đất, số CA771285; số CA771286.
- Anh Huỳnh Văn F: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số CA777692.
- Ông Lê Văn N: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số 853992.
- Anh Phan Triệu Y: 01 (một) giấy chứng nhận QSD đất, số 853011.
- Bà Huỳnh Thị D: 02 (hai) giấy chứng nhận QSD đất, số BU324650; số BU324649.
- Cửa Bùi Văn I: 06 (sáu) giấy chứng nhận QSD đất, số CA853064; số CA 853066; số CA853062; số CA853065; số CA771601; số CA853063.

(Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười đang quản lý vật chứng).

5/- Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Quang T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thành B có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh, Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Nhà tạm giữ Công an Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (Thi).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Ngọc